

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI
TRƯỜNG THCS THANH TRÌ

SÁNG KIẾN

MỘT SỐ KINH NGHIỆM TRONG GIẢNG DẠY VĂN BẢN NHẬT DỤNG Ở LỚP 8,9

Lĩnh vực/ Môn: Ngữ văn

Cấp học: Trung học cơ sở

Tên tác giả: Nguyễn Thanh Tâm

Đơn vị công tác: Trường THCS Thanh Trì

Chức vụ: Giáo viên

Năm học 2022 - 2023

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

1. Lời giới thiệu:

Văn học có vai trò quan trọng trong đời sống và trong sự phát triển tư duy của con người “Văn học là nhân học”.

Là một môn học thuộc nhóm khoa học xã hội, môn văn có tầm quan trọng trong việc giáo dục quan điểm tư tưởng, tình cảm cho học sinh. Đồng thời là môn học thuộc nhóm công cụ, môn văn còn thể hiện rõ mối quan hệ với các môn học khác. Học tốt môn văn sẽ tác động tích cực tới các môn học khác và ngược lại các môn học khác cũng góp phần học tốt môn văn. Điều đó đặt ra yêu cầu tăng cường tính thực hành giảm lý thuyết, gắn học với hành, gắn kiến thức với thực tiễn hết sức phong phú, sinh động của cuộc sống.

Những đổi mới đồng bộ về giáo dục THCS và việc xây dựng chương trình biên soạn lại SGK các môn học theo tư tưởng tích cực hoá hoạt động học tập của học sinh đã đặt ra những yêu cầu cấp thiết về đổi mới phương pháp dạy học.

Đặc biệt trong chương trình Ngữ văn THCS được xây dựng theo tinh thần tích hợp. Các văn bản được lựa chọn theo tiêu chí kiểu văn bản và tương ứng với kiểu văn bản là thể loại tác phẩm chứ không phải là sự lựa chọn theo lịch sử văn học về nội dung. Ngoài yêu cầu về tính tư tưởng, phù hợp với tâm lý lứa tuổi THCS còn có nội dung là tính cập nhật, gắn kết với đời sống, đưa học sinh trở lại những vấn đề quen thuộc, gần gũi hàng ngày, vừa có tính lâu dài mà mọi người đều quan tâm đến.

Văn bản nhật dụng trong chương trình ngữ văn THCS mang nội dung “gần gũi, bức thiết đối với cuộc sống trước mắt của con người và cộng đồng trong xã hội hiện đại”, hướng người học tới những vấn đề thời sự hàng ngày mà mỗi cá nhân, cộng đồng đều quan tâm như môi trường, dân số, sức khỏe cộng đồng quyền trẻ em... Do đó những văn bản này giúp cho người dạy dễ dàng đạt được mục tiêu: tăng tính thực hành, giảm lý thuyết, gắn bài học với thực tiễn.

Xuất phát từ thực tế đó tôi muốn tìm hiểu, nghiên cứu sâu hơn để trang bị cho mình PPDH có hiệu quả những văn bản nhật dụng.

Hiện nay học sinh có xu hướng xem nhẹ học những môn xã hội nói chung, môn Ngữ văn nói riêng. Cũng chính vì thế mà chất lượng học văn có chiều hướng giảm sút. Học sinh không say mê, yêu thích môn học mà say mê vào những môn mang xu hướng thời cuộc như tiếng Anh, Tin học Chính vì thế lại càng đòi hỏi người Giáo viên đặc biệt là Giáo viên Ngữ văn phải tạo được giờ học thu hút học sinh, làm cho học sinh mong chờ đến giờ học. Điều này đòi hỏi người giáo viên phải có tâm huyết với nghề nghiệp, tìm ra được những thuận lợi - khó khăn trong giờ học để kịp thời uốn nắn, rút kinh nghiệm cho mình.

Chương trình SGK THCS đưa vào học một số văn bản mới, đó là văn bản Nhật dụng. Văn bản này chiếm số lượng không nhiều, nhưng trước đó lí luận dạy học chưa từng đặt vấn đề PPDH văn bản nhật dụng. Cho nên giờ giảng dạy và học tập văn bản nhật dụng gặp không ít khó khăn. Nhiều ý kiến cho rằng: “chất văn” trong văn bản nhật dụng không nhiều, nếu không chú ý để biến giờ Ngữ văn thành bài thuyết minh về một vấn đề lịch sử, sinh học hay pháp luật, dẫn đến hiệu quả các tiết dạy học các loại văn bản này chưa cao.

Bản thân tôi đã trực tiếp giảng dạy chương trình Ngữ văn, tôi nhận thấy mình và các đồng nghiệp còn bộc lộ rất nhiều hạn chế cả về phương pháp và kiến thức, nhất là phương pháp dạy các văn bản Nhật dụng.

Xuất phát từ những lý do trên, tôi đã mạnh dạn nghiên cứu đề tài: ***“Một số kinh nghiệm trong giảng dạy văn bản Nhật dụng ở lớp 8,9”*** để góp phần nâng cao hiệu quả giờ dạy văn bản Nhật dụng và để học sinh yêu thích giờ học văn.

2. Tên sáng kiến:

“Một số kinh nghiệm trong giảng dạy văn bản Nhật dụng ở lớp 8,9”.

3. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến

Sử dụng trong Giáo dục – Đào tạo: Áp dụng vào dạy học các văn bản nhật dụng giúp học sinh dễ dàng nắm bắt các vấn đề có liên quan đến thực tế cuộc sống. và tập trung áp dụng thực hiện ở đối tượng học sinh khối THCS.

4. Mô tả bản chất của sáng kiến

4.1. Về nội dung của sáng kiến

4.1.1. Thực trạng

4.1.1.1. Vài nét về địa bàn nghiên cứu

Trường có đội ngũ giáo viên yêu nghề, có năng lực chuyên môn và dày dặn kinh nghiệm.

Tuy số lượng học sinh tương đối đông, nhưng chất lượng giáo dục và học tập của trường môn văn chưa cao. Trường có uy tín đối với nhân dân trong phường, quận.

Mục tiêu hiện nay của nhà trường là đào tạo toàn diện nhằm giúp học sinh có chất lượng cao về cả văn hoá và đạo đức.

4.1.1.2 Về phía giáo viên

Trong quá trình giảng dạy và dự giờ các đồng nghiệp, tôi nhận thấy một số thực trạng sau:

- + GV coi các văn bản này là một thể loại cụ thể giống như truyện, kí ...
- + Giáo viên thường chú ý khai thác và bình giá trên nhiều phương diện của sáng tạo nghệ thuật như: cốt truyện, nhân vật, cách kể mà chưa chú trọng đến vấn đề xã hội đặt ra trong văn bản gắn gũi với học sinh.
- + Quá nhấn mạnh yêu cầu gắn kết tri thức trong văn bản với đời sống mà giáo viên chú ý nhiều tới liên hệ thực tế, dẫn đến việc khai thác kiến thức cơ bản chưa đầy đủ.
- + Vốn kiến thức của GV còn hạn chế ,thiếu sự mở rộng .
- + GV chưa vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học cũng như các biện pháp tổ chức dạy học nhằm gây hứng thú cho HS.
- + Về phương tiện dạy học mới chỉ dừng lại ở việc dùng bảng phụ, tranh ảnh minh họa trong khi đó có một số văn bản nếu học sinh được xem những đoạn băng ghi hình sẽ sinh động hơn rất nhiều.
- + GV còn có tâm lý phân vân không biết có nên sử dụng phương pháp giảng bình khi dạy những văn bản này không và nếu có thì nên sử dụng ở mức độ như thế nào?
- + Giờ dạy tẻ nhạt, không thực sự thu hút sự chú ý của học sinh.

7.1.1.3. Về phía học sinh

Hàng năm số lượng học sinh đạt học sinh giỏi cấp quận, thành phố tăng cao.

Hầu hết các em được gia đình quan tâm rất chu đáo.

Song bên cạnh đó, vẫn còn rất nhiều học sinh chưa có ý thức tự giác trong học tập, mãi chơi, bị lôi cuốn vào các trò chơi điện tử làm ảnh hưởng đến chất lượng học tập của các em.

4.1.1.4. Đánh giá thực trạng

Nguyên nhân của thực trạng trên là:

- Văn bản nhật dụng mới được đưa vào giảng dạy, số lượng văn bản không nhiều nên GV còn thấy rất mới mẻ, ít có kinh nghiệm, lúng túng về phương pháp.
- GV chưa có kỹ năng sử dụng máy chiếu nên việc mở rộng kiến thức cho các em bằng hình ảnh rất hạn chế.
- Chưa xác định đúng mục tiêu đặc thù của bài học văn bản Nhật dụng.
- Chưa có ý thức sưu tầm tư liệu có liên quan đến văn bản như tranh ảnh, văn thơ để bổ sung cho bài học thêm phong phú

4.1.2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu

Nghiên cứu về vấn đề này tôi dựa vào cuốn “Dạy học văn bản Ngữ văn THCS theo đặc trưng phương thức biểu đạt” của tác giả Trần Đình Chung. Ngoài ra còn có một số định hướng dạy học trong SGK Ngữ văn.

Qua những tài liệu này tôi nhận thấy rằng người biên soạn sách đã đưa ra những hướng dẫn về phương pháp dạy. Tuy nhiên đó mới chỉ là phương pháp chung không thể áp dụng đối với tất cả các vùng miền khác nhau. Vì vậy khi chọn đề tài này tôi đã cố gắng lĩnh hội các quan điểm tư tưởng từ các bài viết mà các tác giả đề cập đồng thời đưa ra những ý kiến, quan điểm riêng nhằm góp phần làm cho người dạy có sự lựa chọn phương pháp phù hợp với đối tượng học sinh mà mình dạy.

Văn bản nhật dụng là gì? Văn bản Nhật dụng không phải là một khái niệm chỉ thể loại hay kiểu văn bản. Nói đến văn bản Nhật dụng trước hết là nói đến

tính chất nội dung của văn bản. Đó là những bài viết có nội dung gần gũi, bức thiết đối với cuộc sống trước mắt của con người và cộng đồng xã hội hiện đại như: thiên nhiên, môi trường, năng lượng, dân số, quyền trẻ em, ma túy... Văn bản Nhật dụng có thể dùng tất cả các thể loại cũng như các kiểu văn bản.

Mục tiêu của môn Ngữ văn: góp phần hình thành những con người có trình độ học vấn phổ thông cơ sở, chuẩn bị cho họ ra đời hoặc tiếp tục cho họ học lên bậc cao hơn. Đó là những người có ý thức tự tu dưỡng, biết yêu thương, quý trọng gia đình, bạn bè; có lòng yêu nước, yêu Chủ nghĩa xã hội, biết hướng tới những tư tưởng, tình cảm cao đẹp như lòng nhân ái, tinh thần tôn trọng lẽ phải, sự công bằng, lòng căm ghét cái xấu, cái ác. Đó là những con người biết rèn luyện để có tính tự lập, có tư duy sáng tạo, bước đầu có năng lực cảm thụ các giá trị chân, thiện, mỹ trong nghệ thuật, có năng lực thực hành và năng lực sử dụng Tiếng Việt như một công cụ để tư duy, giao tiếp. Đó cũng là những người có ham muốn đem tài trí của mình cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc

*** Hệ thống văn bản nhật dụng trong SGK Ngữ văn THCS lớp 8,9:**

Lớp	Tên văn bản	Đề tài nhật dụng của văn bản
8 Ngữ văn 8	- Thông tin về ngày trái đất năm 2000 - Ôn dịch, thuốc lá - Bài toán dân số	- Môi trường - Tệ nạn xã hội - Dân số
9 Ngữ văn 9	- Đấu tranh cho một thế giới hoà bình - Phong cách Hồ Chí Minh - Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát	- Bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh - Hội nhập với thế giới và bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc - Quyền sống của con

	triển của trẻ em.	người
--	-------------------	-------

4.1.3. Đặc điểm nội dung và hình thức của văn bản nhật dụng

* Các văn bản nhật dụng trong SGK Ngữ văn 8.

- “*Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000*” là văn bản thuyết minh trình bày về tác hại của bao bì ni lông đối với môi trường và sức khỏe con người. Đã đến lúc chúng ta phải nhìn nhận lại thói quen dùng bao bì ni lông để có hành động thiết thực bảo vệ môi trường sống của chúng ta bằng cách hưởng ứng lời kêu gọi: “Một ngày không dùng bao bì ni lông”. Thông điệp này chính là nội dung nhật dụng của văn bản “*Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000*”.

- “*Ôn dịch, thuốc lá*” là một bài thuyết minh cung cấp cho bạn đọc những tri thức khách quan về tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe và có thể làm suy thoái đạo đức con người. Không dừng ở đó văn bản này còn thể hiện tinh thần trách nhiệm của người viết đối với sức khỏe cộng đồng khi ông trực tiếp bày tỏ thái độ đối với thuốc lá mà ông gọi là một thứ “ôn dịch”, và kiến nghị “Đã đến lúc mọi người phải đứng lên chống lại, ngăn ngừa nạn ôn dịch này”.

Tác giả đã sử dụng thủ pháp thuyết minh quen thuộc như: liệt kê, so sánh, lời văn vẫn sử dụng các thuật ngữ khoa học nhưng dễ hiểu do được giải thích cụ thể, kết hợp trong đó là lời bình luận mang sắc thái biểu cảm rõ rệt. Tất cả được viết bằng tri thức và tâm huyết của của một nhà y học nổi tiếng, và điều đó làm nên sức thuyết phục của bài văn này.

Ý nghĩa nhật dụng của văn bản này không chỉ là cảnh báo cho mỗi người về một nạn dịch có sức tàn phá sức khỏe cộng đồng, gây thành tệ nạn xã hội mà còn góp phần cổ động cho chiến dịch truyền thông chống hút thuốc lá đang diễn ra rộng khắp hiện nay.

- “*Bài toán dân số*” từ câu chuyện vui về một bài toán cổ liên hệ sang chuyện không vui về việc gia tăng dân số trên trái đất bằng một tính toán lô gic sau: Một bàn cờ có 64 ô, nếu số thóc trong mỗi ô tăng theo cấp số nhân công bội là 2 thì tổng số thóc nhiều tới mức có thể phủ kín bề mặt trái đất => trái đất lúc

đầu chỉ có 2 người, nếu loài người cũng tăng theo cấp số nhân ấy thì tổng dân số sẽ đạt ô thứ 30 (năm 1995) và ô thứ 31 (năm 2015) => nếu cứ để dân số tăng như thế thì đến một ngày 64 ô của bàn cờ sẽ bị lấp kín và khi đó mỗi người chỉ còn một chỗ ở với diện tích như một hạt thóc trên trái đất.

Mục đích của sự tính toán này là báo động về nguy cơ bùng nổ và gia tăng dân số của thế giới. Vì thế “Bài toán dân số” được xem là một văn bản nhật dụng phục vụ cho chủ đề “dân số và tương lai của nhân loại”. Bài toán này càng có ý nghĩa thời sự đối với các nước chậm phát triển, trong đó có Việt Nam.

Về hình thức, “Bài toán dân số” là một văn bản nghị luận sử dụng phương thức lập luận bằng hình thức luận cứ. Nhưng bài nghị luận xã hội này dễ hiểu bởi sự đan cài rất tự nhiên của phương thức tự sự.

*** Các văn bản nhật dụng trong SGK Ngữ văn 9:**

- “*Phong cách Hồ Chí Minh*” (Lê Anh Trà) là bài viết nhằm trình bày cho bạn đọc hiểu và quý trọng vẻ đẹp của phong cách Bác Hồ. Bài văn có hai phần nội dung. Phần thứ nhất nói về vẻ đẹp trong phong cách văn hoá của Bác, đó là sự kết hợp hài hoà giữa phẩm chất dân tộc và tính nhân loại trong tiếp nhận văn hoá. Phần thứ hai nói về vẻ đẹp trong phong cách sinh hoạt của Bác, đó là sự kết hợp hài hoà giữa bình dị và hiện đại trong nếp sống.

Nội dung trên được thể hiện trong hình thức thuyết minh kết hợp nghị luận khiến cho sự trình bày các biểu hiện vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh trở nên sáng rõ cùng tình cảm ngưỡng vọng không che giấu của tác giả.

Từ nội dung trên, chủ đề nhật dụng cần được khai thác đó là: vấn đề quan hệ giữa hội nhập thế giới và bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc, một vấn đề không chỉ có ý nghĩa cấp nhật mà còn có ý nghĩa lâu dài thường xuyên của các thế hệ, nhất là lớp trẻ nước ta trong học tập rèn luyện theo phong cách Bác Hồ.

- “*Đấu tranh cho một thế giới hoà bình*” là bài viết của nhà văn đã từng đoạt giải Nobel văn học (G.Mác-két). ở đây, phương thức lập luận với hệ thống lập luận sắc sảo, chứng cứ xác thực, cách so sánh tương phản đã giúp tác giả luận giải một cách thuyết phục và rõ ràng về hiểm hoạ hạt nhân đối với nhân

loại. Sự tổn kém và tính phi lý của cuộc chạy đua chiến tranh hạt nhân, từ đó kêu gọi hành động để ngăn chặn chiến tranh hạt nhân vì một thế giới hoà bình.

Chủ đề nhật dụng của văn bản này chính là đấu tranh cho hoà bình, chống chiến tranh để bảo vệ hoà bình. Ngăn chặn và xoá bỏ nguy cơ chiến tranh hạt nhân. Đó là những vấn đề cấp thiết và nóng hổi trong đời sống chính trị của nhân loại và của mỗi dân tộc, mỗi con người.

- *“Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em”* được trích từ Tuyên bố của Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em của tổ chức Liên hợp quốc ngày 30/9/1990, chứng tỏ sự quan tâm toàn diện, sâu sắc của cộng đồng quốc tế đối với trẻ em trên toàn thế giới.

Bản tuyên bố đã đề cập đến thực trạng bất hạnh của cuộc sống trẻ em trên thế giới, về khả năng có thể cải thiện được cuộc sống của chúng, cùng các giải pháp cụ thể. Những nội dung này đã được luận giải một cách hợp lý hợp tình theo yêu cầu nghị luận xã hội nhằm làm rõ quan điểm vì trẻ em của cộng đồng thế giới, nhưng để dễ hiểu, dễ truyền bá đến đại chúng, bản tuyên bố đã trình bày các quan điểm dưới dạng mục và số.

Các nội dung được thảo trong bản tuyên bố đã toát lên điểm tích cực và nhân đạo của cộng đồng quốc tế (trong đó có Việt Nam) về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em. Đó là ý nghĩa cập nhật cũng như ý nghĩa lâu dài của văn bản này.

4.1.4. Cách thức thực hiện giải pháp, biện pháp.

Trước những thực trạng và nguyên nhân trên tôi xin đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giờ dạy như sau:

4.1.4.1. Xác định mục tiêu đặc thù của bài học văn bản nhật dụng

Nhấn mạnh vào hai khía cạnh chính: Trang bị kiến thức và trau dồi tư tưởng, tình cảm thái độ cho học sinh. Nghĩa là qua văn bản, cung cấp và mở rộng hiểu biết cho học sinh về những vấn đề gần gũi, bức thiết đang diễn ra trong đời sống xã hội hiện đại, từ đó tăng cường ý thức công dân đối với cộng đồng.

4.1.4.2. Chuẩn bị

Về kiến thức:

GV không chỉ xác định đúng mục tiêu kiến thức của văn bản mà còn phải trang bị thêm cho mình những kiến thức mở rộng, hỗ trợ cho bài giảng như thu thập các tư liệu có liên quan đến bài giảng trên các nguồn thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, mạng Internet, báo chí, sách vở, tranh ảnh, âm nhạc...)

Về phương tiện dạy học:

Các phương tiện dạy học truyền thống như: SGK, bảng đen, phấn trắng chưa thể đáp ứng được hết yêu cầu dạy học văn bản nhật dụng. GV có thể chuẩn bị thêm các tư liệu khác như: đĩa nhạc CD, phim ảnh và nếu được thu thập, thiết kế và trình chiếu trên các phương tiện dạy học điện tử sẽ khiến các em hào hứng hơn trong giờ học.

=> Có thể nói khi dạy học văn bản nhật dụng, GV có nhiều cơ hội hơn cho đổi mới phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, nhờ đó mà các bài học văn bản Nhật dụng sẽ khắc phục được tính thông tin tẻ nhạt đơn điệu. Từ đó, hiệu quả dạy học văn bản nhật dụng sẽ tăng lên.

4.1.4.3. Phương pháp dạy học

Dạy học phù hợp với phương thức biểu đạt của mỗi văn bản

Trong dạy học văn bản ,không thể hiểu nội dung tư tưởng văn bản nếu không đọc từ các dấu hiệu hình thức của chúng. Nên dạy học văn bản nhật dụng cũng phải theo nguyên tắc đi từ dấu hiệu hình thức tới khám phá mục đích giao tiếp trong hình thức ấy.

- Mặc dù các phương thức biểu đạt chủ yếu của văn bản nhật dụng là thuyết minh và nghị luận nhưng các văn bản này thường đan xen các yếu tố của phương thức khác như: tự sự ,biểu cảm. Khi đó GV cũng cần chú ý đến yếu tố này.

- Văn bản “Đấu tranh cho một thế giới hoà bình” có kết hợp phương thức lập luận với biểu cảm thì người dạy sẽ chú ý phân tích lí lẽ và chứng cứ, từ đó tìm hiểu thái độ của tác giả, ví dụ khi phân tích phần cuối của văn bản:

- Phần cuối của văn bản có hai đoạn. Đoạn nào nói về “chúng ta” chống vũ khí hạt nhân? Đoạn nào là thái độ của tác giả về việc này?

- Em hiểu thế nào về “bản đồng ca của những người đòi hỏi một thế giới không có vũ khí và một cuộc sống hoà bình ,công bằng”?

- Ý tưởng của tác giả về việc mở “một nhà băng lưu trữ trí nhớ có thể tồn tại được sau thảm họa hạt nhân” bao gồm những thông điệp gì?

- Em hiểu gì về thông điệp đó của ông?

- GV có thể giảng tóm tắt:

- Bản đồng cađó là tiếng nói của công luận thế giới chống chiến tranh, là tiếng nói yêu chuộng hoà bình của nhân dân thế giới.

- Thông điệp về một cuộc sống đã từng tồn tại trên trái đất và về những kẻ đã xoá bỏ cuộc sống trên trái đất này bằng vũ khí hạt nhân.

- Tác giả là người yêu chuộng hoà bình, quan tâm sâu sắc đến vũ khí hạt nhân với niềm lo lắng và công phần cao độ.

4.1.4.4. Vận dụng linh hoạt các phương pháp đặc trưng của phân môn văn học như: phương pháp đàm thoại, đọc diễn cảm, giảng bình. Trong đó chú trọng nhất phương pháp đàm thoại bằng hệ thống câu hỏi dẫn dắt theo mức độ từ dễ đến khó rồi liên hệ với đời sống.

Khi dạy văn bản nhật dụng, GV không nên quá coi trọng phương pháp giảng bình. Bởi bình văn là tỏ lời hay ý đẹp về những điểm sáng thẩm mỹ trong văn chương, đối tượng bình phải là những tác phẩm mang vẻ đẹp văn chương. Theo tôi, một số văn bản giàu chất văn chương giáo viên có thể sử dụng lời bình giảng nhưng không nên đi quá sâu. Còn đối với những văn bản nhật dụng không nhằm cảm thụ văn chương thẩm mỹ (như *Bài toán dân số*, *Thông tin về ngày trái đất năm 2000*; *Ôn dịch, thuốc lá*) thì GV không thể bình phẩm được những vẻ đẹp hình thức nào cũng như những nội dung sâu kín nào trong đó. Do vậy, khi dạy GV cần chú ý điều này để tránh sa vào tình trạng khai thác kĩ lưỡng văn bản mà giảm đi tính chất thực tiễn, gần gũi và cập nhật của văn bản Nhật dụng.

Mục đích của việc dạy văn bản nhật dụng là giúp học sinh hoà nhập hơn nữa với đời sống xã hội nên GV phải tạo ra không khí giờ học dân chủ, sôi nổi, kích thích sự hào hứng của học sinh.

Kết luận : Như vậy để giờ dạy văn bản nhật dụng đạt kết quả cao, đáp ứng mục tiêu bài học, người giáo viên cần phải đa dạng hoá các biện pháp dạy học, các cách tổ chức dạy học, các phương tiện dạy học theo hướng hiện đại hoá: thu thập, sưu tầm các nguồn tư liệu để minh hoạ và mở rộng kiến thức. Coi trọng đàm thoại cá nhân và nhóm, chú ý tới câu hỏi liên hệ ý nghĩa văn bản với hoạt động thực tiễn của cá nhân và cộng đồng xã hội hiện nay. Sáng tạo trò chơi dạy học đơn giản, nhanh gọn để minh hoạ cho chủ đề của văn bản. Tăng cường phương tiện dạy học điện tử như máy chiếu để gia tăng lượng thông tin trong bài học, tạo không khí dân chủ, hào hứng trong giờ học

5. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến.

5.1 Giáo viên: Giáo viên tự bồi dưỡng để có kiến thức chuyên môn sâu rộng, có trình độ sư phạm, biết ứng xử tinh tế, biết ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học theo mục tiêu giáo dục nhưng cũng đảm bảo được sự tự do của học sinh trong hoạt động nhận thức.

5.2. Học sinh: Dưới sự chỉ đạo của giáo viên, học sinh phải dần dần có được những phẩm chất và năng lực thích ứng với phương pháp dạy học tích cực như: giác ngộ mục đích học tập, tự giác trong học tập, có ý thức trách nhiệm về kết quả học tập của mình và kết quả chung của lớp, biết tự học và tranh thủ học ở mọi nơi, mọi lúc, bằng mọi cách, phát triển các loại hình tư duy biện chứng, lôgic, hình tượng, tư duy kỹ thuật, tư duy tinh tế...

5.3. Chương trình và sách giáo khoa:

Phải giảm bớt khối lượng kiến thức nhồi nhét, tạo điều kiện cho thầy trò tổ chức những hoạt động học tập tích cực; giảm bớt những thông tin buộc học sinh phải thừa nhận và ghi nhớ máy móc, tăng cường các câu hỏi nhận thức để học sinh tập giải; giảm bớt những câu hỏi tái hiện, tăng cường loại câu hỏi phát

triển trí thông minh; giảm bớt những kết luận áp đặt, tăng cường những gợi ý để học sinh tự nghiên cứu phát triển bài học.

5.4. Thiết bị dạy học:

Thiết bị dạy học là điều kiện không thể thiếu cho việc triển khai chương trình, sách giáo khoa nói chung và đặc biệt cho việc triển khai đổi mới phương pháp dạy học hướng vào hoạt động tích cực, chủ động của học sinh. Đáp ứng yêu cầu này, phương tiện thiết bị dạy học phải tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh thực hiện các hoạt động độc lập hoặc các hoạt động nhóm. Các thiết bị dạy học chủ yếu như tranh ảnh dùng để khai thác các kiến thức trong bài dạy.

Trong quá trình biên soạn sách giáo khoa, sách giáo viên, các tác giả cần chú ý lựa chọn danh mục thiết bị và chuẩn bị các thiết bị dạy học theo một số yêu cầu để có thể phát huy vai trò của thiết bị dạy học. Giáo viên cần chú trọng thiết bị thực hành. Những thiết bị đơn giản có thể được giáo viên, học sinh tự làm góp phần làm phong phú thêm thiết bị dạy học của nhà trường

6. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến.

6.1. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả:

Khi giảng dạy phần văn bản, tôi đã áp dụng một số phương pháp như trên. Trong quá trình thực hiện, tôi thấy học sinh rất say mê học tập, các em đã chủ động tiếp thu bài giảng tìm tòi suy nghĩ, khắc sâu được kiến thức. Các em đã có kĩ năng và chủ động trong việc lĩnh hội kiến thức.

Điều mà tôi vui mừng nhất đó là các em đã thay đổi cách nhìn về các văn bản nhật dụng, thật sự yêu thích tìm hiểu các vấn đề liên quan và đặc biệt là kết quả học tập của HS ở các bài kiểm tra phần văn bản nhật dụng và các phần khác trong môn Ngữ văn đã được nâng cao rõ rệt, kết quả cụ thể của các bài kiểm tra như sau:

*** Kết quả bài kiểm tra lần 1:**

Khối	Số HS được KS	Giỏi	Khá	T. bình	Yếu	Kém
8	28	0	0	17 (60,7%)	6 (21,4%)	5 (17,9%)
9	26	0	0	13 (50%)	7 (26,9%)	6 (23,1%)

*** Kết quả bài kiểm tra lần 2:**

Khối	Số HS được KS	Giỏi	Khá	T. bình	Yếu	Kém
8	28	0	3 (10,7%)	18 (64,2%)	5 (17,9%)	2 (7,2%)
9	26	0	2 (7,7%)	13 (50%)	8 (30,8%)	3 (11,5%)

Qua thời gian thử nghiệm và sử dụng sang kiến trong dạy học, bản thân tôi thấy có nhiều tác dụng:

- Phát huy được tính tích cực của học sinh trong quá trình hoạt động trên lớp cũng như việc nghiên cứu bài mới và học bài cũ ở nhà.
- Việc nắm kiến thức về các biện pháp tu từ của học sinh vững chắc hơn, có hệ thống hơn và xóa được lỗ hổng kiến thức bộ môn.
- Giúp các em dần dần biết vận dụng kĩ năng tu từ vào việc phân tích cái hay, cái đẹp của thơ văn.

6.2. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân:

Đổi mới PP nhằm nâng cao chất lượng dạy và học là một nhiệm vụ quan trọng của ngành GD hiện nay. Vận dụng PPDH theo hướng tích hợp và tích cực vào việc dạy ác văn bản nhật dụng chính là thực hiện đổi mới về PPDH trong nội dung một bài cụ thể. Thực hiện PPDH các văn bản nhật dụng trong SGK

Ngữ văn THCS theo hướng tích hợp và tích cực ngoài việc dựa trên những cơ sở lí luận còn cần quan tâm đến mối quan hệ hữu cơ giữa PPDH với mục tiêu, nội dung dạy học và PPDH là một thành tố của quá trình dạy học.

Đổi mới PPDH theo hướng tích cực và tích hợp là một quá trình lâu dài và phải được thực hiện ở tất cả các lớp học, các môn học, các cấp học. Nhưng việc đổi mới có thể thực hiện được ngay đối với GV môn Ngữ văn khi dạy các văn bản nhật dụng ở phần Ngữ văn THCS nếu như mỗi GV trong từng tiết học giúp HS hoạt động nhiều hơn, nhất là được suy nghĩ và giao tiếp nhiều hơn. Khi đó, lớp học qua nhiều cách học khác nhau sẽ là nơi biến quá trình học thành niềm vui thích với nhiều "sản phẩm" sáng tạo của GV và HS. Chắc chắn HS sẽ tự tin để tham gia vào các hoạt động học tập và giao tiếp cộng đồng. Đó cũng là con đường nối liền nhà trường với xã hội.

Bài học về văn bản nhật dụng được các nhà biên soạn thể hiện quan điểm dạy học theo hướng tích hợp và tích cực, trong đó với các điểm mạnh mà tôi đã mạnh dạn đưa ra trong đề tài này. Nhưng nếu có thêm được tiết học để HS rèn luyện thực hành sau khi học thì chắc hiệu quả sẽ được nâng lên.

Với kết quả đạt được ở trên đã khẳng định việc áp dụng **“Một số kinh nghiệm trong giảng dạy văn bản Nhật dụng”** là vô cùng cần thiết, phù hợp với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học lấy học sinh làm trung tâm để nâng cao chất lượng đại trà cho học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dạy học văn bản Ngữ văn THCS theo đặc trưng phương thức biểu đạt - Trần Đình Chung.
2. "Hiểu văn, dạy văn" NXBGD tháng 9/2001- Nguyễn Thanh Hùng.
3. Phong cách học Tiếng Việt - NXBGD - 1994 - Đinh Trọng Lạc.
4. 99 phương tiện và biện pháp tu từ Tiếng Việt - NXBGD - 2002 - Đinh Trọng Lạc.
5. Ngữ văn 7,8,9 Tập I - Nguyễn Khắc Phi (Tổng chủ biên) - NXBGD - 2002.
Ngữ văn 7,8,9 Tập II - Nguyễn Khắc Phi (Tổng chủ biên) - NXBGD - 2002.
Ngữ văn 7,8,9 tập I SGK - Nguyễn Khắc Phi (Tổng chủ biên) - NXBGD - 2002.
Ngữ văn 7,8,9 Tập II SGK - Nguyễn Khắc Phi (Tổng chủ biên) - NXBGD - 2002.
6. Bài tập Ngữ văn 7,8,9 Tập I, II - NXBGD - 2002 Nguyễn khắc Phi - Nguyễn Đình Chú - Nguyễn Minh Thuyết - Trần Đình Sử (Đồng chủ biên).